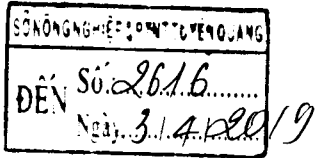


Số: 425/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành bảng giá tối thiểu tính thuế các loại tài nguyên
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 408/TTr-STC ngày 18/12/2018 về việc đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tối thiểu tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tối thiểu tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2019.

(chi tiết theo Phụ lục I, II, III, IV đính kèm)

Điều 2. Giao Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành bảng giá tối thiểu tính thuế các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Tổng cục ĐCKSVN; | (Báo
- Chủ tịch UBND tỉnh; | cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên: KS, XD, NLN, TC;
- Lưu: VT (Huy. TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang